



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

2. DHUTAṄGAPAÑHO

“Passathāraññake¹ bhikkhū ajjhogāḷhe dhute guṇe,
puna passati gihī rājā anāgāmiphale ṭhite.

Ubho 'pi te viloketvā uppajjī saṃsayo mahā,
bujjheyya ce gihī dhamme dhutaṅgaṃ nipphalaṃ siyā.

Paravādivādamaṭṭhaṃ nipuṇaṃ piṭakattaye,
handa pucche kathiseṭṭhaṃ so me kaṅkhaṃ viñessatī ”ti.

1. Atha kho milindo rājā yenāyasmā nāgaseno tenupasaṅkami,
upasaṅkamitvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi.
Ekamantaṃ nisinno kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca:
“Bhante nāgasena atthi koci gihī agāriko kāmabhogī puttadārasambādha-
sayanaṃ ajjhāvasanto kāsikacandaṇaṃ paccanubhonto mālāgandha-
vilepanaṃ dhārayanto jātarūparajataṃ sādīyanta maṇimuttākañcana-
vicittamolibaddho, yena santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikatan ”ti?

“Na mahārāja ekaññeva sataṃ na dve satāni na tīni catupañca satāni na
sahassaṃ² na koṭisataṃ na koṭisahassaṃ na koṭisatasahassaṃ, tiṭṭhatu
mahārāja dasannaṃ vīsatiyā satassa sahassassa abhisamayo, katamena te
pariyāyena anuyogaṃ dammī ”ti.

“Tvamevetam brūhī ”ti.

“Tena hi te mahārāja kathayissāmi satena vā sahassena vā satasahassena
vā koṭiyā vā koṭisatena vā koṭisahassena vā koṭisatasahassena vā. Yā kāci
navaṅge buddhavacane sallekhitācārapaṭipatti-dhutaguṇavaraṅga³-nissitā
kathā, tā sabbā idha samosarissanti.

Yathā mahārāja ninnunnata-samavisama-thalāthala-desabhāge
abhivaṭṭhaṃ⁴ udakaṃ sabbantaṃ tato vinigalivā mahodadhiṃ sāgaraṃ
samosarati. Evameva kho mahārāja sampādake sati yā kāci navaṅge
buddhavacane sallekhitācārapaṭipatti-dhutaguṇavaraṅga⁵-nissitā kathā, tā
sabbā idha samosarissanti.

Mayhampettha mahārāja pariyaṭṭatāya buddhiyā kāraṇaparidīpanaṃ
samosarissati, teneso attho suvibhatto vicitto paripuṇṇo samānīto
bhavissati.

¹ passatāraññake - Ma, PTS.

² na sahassaṃ na satasahassaṃ - Ma, PTS.

³ dhutavaraṅgaguṇa - Ma.

⁴ abhivaṭṭhaṃ - Ma; abhivaṭṭhaṃ - PTS.

⁵ dhutaṅgaguṇadhara - Ma.

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC:

“Đức vua nhìn các vị tỳ khưu sống ở rừng đã được gắn bó với các hạnh từ khước, rồi nhìn lại những người tại gia đã trú ở quả vị Bất Lai.

Sau khi quan sát cả hai hạng ấy, có nổi nghi hoặc lớn đã khởi lên: ‘Nếu người tại gia có thể giác ngộ Giáo Pháp, thì pháp từ khước là không có kết quả.

Vậy ta nên hỏi vị thuyết giảng hạng nhất, được thông thạo về Tam Tạng, có sự nghiên sát học thuyết của các diễn giả khác, vị ấy sẽ tiêu diệt nổi nghi ngờ của ta.”

1. Khi ấy, đức vua Milinda đã đi đến gặp đại đức Nāgasena, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Nāgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Milinda đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, có người tại gia nào, sống ở nhà, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc nằm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải Kāsi và trầm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm, và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang điểm ngọc ma-ni, ngọc trai, và vàng, mà người ấy đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, không?”

“Tâu đại vương, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba bốn năm trăm, không phải một ngàn, không phải một trăm *koṭi*,¹ không phải một ngàn *koṭi*, không phải một trăm ngàn *koṭi*. Tâu đại vương, hãy bỏ qua sự lãnh hội của mười, của hai mươi, của một trăm, của một ngàn (người tại gia), tôi có thể cho ngài câu trả lời bằng phương thức nào?”

“Chính ngài hãy nói về điều ấy.”

“Tâu đại vương, như thế thì tôi sẽ nói với ngài về một trăm, hay một ngàn, hay một trăm ngàn, hay một *koṭi*, hay một trăm *koṭi*, hay một ngàn *koṭi*, hay một trăm ngàn *koṭi*. Bất cứ lời giảng nào về Phật Pháp gồm chín thể loại được liên quan đến sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu tố cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây.

Tâu đại vương, giống như nước đã được đổ mưa ở các phần đất lồi xuống hoặc nhô lên, bằng phẳng hoặc gồ ghề, đất liền hay không phải đất liền, sau khi rơi xuống từng giọt ở khắp nơi rồi từ đó tập trung lại ở đại dương biển cả. Tâu đại vương, tương tự y như thế khi có người tiếp nhận thì bất cứ lời giảng nào về Phật Pháp gồm chín thể loại được liên quan đến sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu tố cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây.

Tâu đại vương, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thắt, được đầy đủ, được gom chung lại.

¹ một *koṭi* là mười triệu (ND).

Yathā mahārāja kusalo lekḥācariyo anusitṭho lekhaṃ osārento attano byattatāya buddhiyā kāraṇaparidīpanena lekhaṃ paripūreti, evaṃ sā lekḥā samattā paripuṇṇā anūnikā bhavissati, evameva mayhampettha paribyattatāya buddhiyā kāraṇaparidīpanaṃ samosarissati, teneso attho suvibhatto vicitto paripuṇṇo parisuddho samānīto bhavissati.

2. Nagare mahārāja sāvattḥiyā pañcakoṭimattā ariyasāvaka bhagavato upāsaka-upāsikāyo sattapaññāsasahassāni tīṇisatasahassāni anāgāmiphale patiṭṭhitā, te sabbe 'pi gihīyeva na pabbajitā.

Puna tattheva gaṇḍambamūle yamakapāṭihāriye vīsatiṇakoṭiyo abhisamiṃsu. Puna mahārāhulovāde,¹ mahāmaṅgalasuttante, samacitta-pariyāye, parābhavasuttante, purābhedasuttante, kalahavivādasuttante, cūḷabyūhasuttante, mahābyūhasuttante, tuvaṭakasuttante, sārīputtasuttante gaṇanapathamatitānaṃ devatānaṃ dhammābhisamayo ahoṣi.

Nagare rājagahe paññāsasahassāni tīṇisatasahassāni ariyasāvaka bhagavato upāsaka-upāsikāyo. Puna tattheva dhanapālahatthināgadamaṇe navutipāṇakoṭiyo, pārāyaṇasamāgame pāsāṇake cetiye cuddasapāṇakoṭiyo, puna indasālaguhāyaṃ asītidevatākoṭiyo, puna bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye paṭhame dhammadesane aṭṭhārasabrahmakotiyo aparimāṇā ca devatāyo, puna tāvatīmsabhavane paṇḍukambalasilāyaṃ abhidhamma-desanāya asītidevatākoṭiyo, devorohaṇe saṅkassanagaradvāre lokavivaraṇa-pāṭihāriye pasannānaṃ naramarūnaṃ tiṃsakotiyo abhisamiṃsu.

Puna sakkesu kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme buddhavaṃsadesanāya mahāsamayasuttantadesanāya ca gaṇanapathamatitānaṃ devatānaṃ dhammābhisamayo ahoṣi. Puna sumanamālākārasamāgame garahadinnasamāgame ānandasetṭhisamāgame jambukājīvakasamāgame maṇḍuka-devaputtasamāgame maṭṭakuṇḍalidevaputtasamāgame sulasānagara-sobhinīsamāgame sirimānagarasobhinīsamāgame pesakārādhītusamāgame cūlasubhaddāsamāgame sāketaabrāhmaṇassa ālāhanadassanasamāgame sunāparantakasamāgame sakkapañhasamāgame tirokuḍḍasamāgame ratanasuttasamāgame paccekaṃ caturāsītiyā paṇasahassānaṃ dhammābhisamayo ahoṣi.

¹ cūḷarāhulovāde - Ma.

Tâu đại vương, giống như vị thầy ghi chép thiện xảo, đã được chỉ dẫn, trong khi ghi lại bài viết thì hoàn thiện bài viết với việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của bản thân, như vậy bài viết ấy sẽ được hoàn thành, được đầy đủ, không thiếu sót. Tương tự y như thế, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thắt, được đầy đủ, được gom chung lại.

2. Tâu đại vương, ở thành Sāvatti, có khoảng năm *koṭi* (năm mươi triệu) Thánh đệ tử là các cận sự nam và cận sự nữ của đức Thế Tôn, (trong số đó) ba trăm năm mươi bảy ngàn người đã được thiết lập vào quả vị Bất Lai, tất cả những vị ấy đều là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia.

Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc (thị hiện) song thông ở gốc cội cây gaṇḍamba, có hai mươi *koṭi* (200.000.000) sinh mạng đã lãnh hội. Thêm nữa, vào lúc (thuyết giảng) Mahārāhulovāda, kinh Mahāmaṅgala, bài giảng về tâm bình lặng, kinh Parābhava, kinh Purābheda, kinh Kalahavivāda, kinh Cūḷabyūha, kinh Mahābyūha, kinh Tuvāṭaka, kinh Sāriputta, đã có sự lãnh hội Giáo Pháp của chư Thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm.

Ở thành Rājagaha, ba trăm năm mươi ngàn Thánh đệ tử của đức Thế Tôn là các cận sự nam và cận sự nữ. Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc chế ngự con long tượng Dhanapāla có chín mươi *koṭi* (900.000.000) sinh mạng đã lãnh hội; ở cuộc hội họp về mục đích tối hậu ở điện thờ Pāsāṇaka có mười bốn *koṭi* (140.000.000) sinh mạng đã lãnh hội; thêm nữa ở hang động Indasāla có tám mươi *koṭi* (800.000.000) chư Thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn nai, vào lúc thuyết giảng Giáo Pháp lần đầu tiên, có mười tám *koṭi* (180.000.000) Đại Phạm Thiên và vô số chư Thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở cõi trời Đạo Lợi, tại tảng đá Paṇḍukambala (ngai vàng của đức Trời Đế Thích) vào lúc thuyết giảng về Vi Diệu Pháp, có tám mươi *koṭi* (800.000.000) chư Thiên đã lãnh hội; vào lúc từ cõi trời trở lại trần gian tại cổng thành Saṅkassa, vào lúc (thị hiện) thần thông mở ra cho thấy thế gian, có ba mươi *koṭi* (300.000.000) nhân loại và chư Thiên được tịnh tín đã lãnh hội.

Thêm nữa, ở thành Kapilavatthu của dòng họ Sakya, tại tu viện Nigrodha, lúc thuyết giảng về dòng dõi chư Phật và lúc thuyết giảng về kinh Mahāsamaya, đã có sự lãnh hội Giáo Pháp của chư Thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. Thêm nữa, ở cuộc gặp gỡ với người làm tràng hoa Sumana, ở cuộc gặp gỡ với Garahadinna, ở cuộc gặp gỡ với nhà triệu phú Ānanda, ở cuộc gặp gỡ với đạo sĩ lão thể Jambuka, ở cuộc gặp gỡ với Thiên tử Maṇḍuka, ở cuộc gặp gỡ với Thiên tử Maṭṭakuṇḍali, ở cuộc gặp gỡ với Sulasā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với Sirimā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với người con gái thợ dệt, ở cuộc gặp gỡ với Cūlasubbhaddā, ở cuộc gặp gỡ về việc xem xét chỗ hỏa táng của người Bà-la-môn xứ Sāketa, ở cuộc gặp gỡ tại Sunāparanta, ở cuộc gặp gỡ về câu hỏi của Thiên Chủ Sakka, ở cuộc gặp gỡ về (bài kinh) *Tirokuḍḍa*, ở cuộc gặp gỡ về *Ratanasutta* (Kinh Châu Báu), mỗi một lần đã có sự lãnh hội Giáo Pháp của tám mươi bốn ngàn sinh mạng.

3. Yāvatā mahārāja bhagavā loke aṭṭhāsi tāva tīsu maṇḍalesu soḷasasu mahājanapadesu yattha yattha bhagavā vihāsi, tattha tattha yebhuyyena dve tayo catupañcasataṃ sahaṣsaṃ sataḥsaṣṣaṃ devā ca manussā ca santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikariṃsu. Ye te mahārāja devā gihīyeva te, na te pabbajitā. Etāni ceva mahārāja aññāni ca anekāni devatākoṭṭisatasahaṣṣāni gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikariṃsū ”ti.

4. “Yadi bhante nāgasena gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti, atha imāni dhutaṅgāni kamatthaṃ sādheti? Tena kāraṇena dhutaṅgāni akiccarāni honti. Yadi bhante nāgasena vinā mantosadhehi byādhayo vūpasammanti,¹ kiṃ vamaṇa-virecanādinā sarīra-dubbala-karaṇena. Yadi muṭṭhīhi paṭisattuniggaho bhavati, kiṃ asi-satti-sara-dhanu-kodaṇḍa-laguḷa-muggarehi. Yadi gaṇṭhi-kuṭṭila-susira-kaṇṭha-latā-sākhā ālambitvā rukkhamaḥhirūhanaṃ bhavati, kiṃ dīgha-dalḷha-nisseṇi-pariyesanena? Yadi thaṇḍilaseyyāya dhātusamatā bhavati, kiṃ sukhasamphassa mahatimahāsirisayanassa pariyesanena? Yadi ekako sāsāṅka-sabhaya-visama-kantāra-taraṇasamattho bhavati, kiṃ sannaddha-sajja-mahatimahā-sattha-pariyesanena? Yadi nadīsaraṃ bāhunā taritūṃ samattho bhavati, kiṃ dhuvasetu-nāvā-pariyesanena? Yadi sakasantakena ghāsacchādanaṃ kātuṃ pahoti, kiṃ parūpasevanā-piyasamullāpa-pacchāpure-dhāvanena? Yadi akhātatalāke udakaṃ labbhati,² kiṃ udapāna-talāka-pokkharāṇi-khaṇanena? Evameva kho bhante nāgasena yadi gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti, kiṃ dhutaṅgavarasamādiyanenā ”ti?

5. “Aṭṭhavīsati kho panime mahārāja dhutaṅgaguṇā yathābhuccaguṇā yehi guṇehi dhutaṅgāni sabbabuddhānaṃ pihayitāni patthitāni. Katame aṭṭhavīsati? Idha mahārāja dhutaṅgaṃ suddhājīvaṃ sukhaphalaṃ anavajjaṃ na paradukkhāpanaṃ abhayaṃ asampīlanaṃ ekantavaḍḍhikaṃ aparihāṇiyaṃ amāyaṃ āraḁkhā patthitadadaṃ sabbasattadamaṇaṃ saṃvarahitaṃ patirūpaṃ anissitaṃ vippamuttaṃ rāgakkhayaṃ dosakkhayaṃ mohakkhayaṃ mānappahānaṃ kuvitakkacchedanaṃ kaṅkhāvitarāṇaṃ kosajjaviddhaṃsaṇaṃ aratippahānaṃ khamanaṃ atulaṃ appamaṇaṃ sabbadukkhakkhayaḁamaṇaṃ. Ime kho mahārāja aṭṭhavīsati dhutaṅgaguṇā yathābhuccaguṇā yehi guṇehi dhutaṅgāni sabbabuddhānaṃ pihayitāni patthitāni.

¹ vūpasamanti - Ma, PTS.

² labhati - Ma, PTS.

3. Tàu đại vương, trong thời gian mà đức Thế Tôn đã ngự ở thế gian, thì trong thời gian ấy, tại mỗi một nơi nào ở trong ba phạm vi thuộc mười sáu xứ sở lớn mà đức Thế Tôn đã trú ngụ, thì ở tại mỗi một nơi ấy hầu hết đều có hai, ba, bốn, năm trăm, một ngàn, một trăm ngàn chư Thiên và nhân loại đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn. Tàu đại vương, những vị nào là chư Thiên, những vị ấy cũng chính là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia. Tàu đại vương, những người này, và luôn cả nhiều trăm ngàn *koṭi* (nhiều tỷ) chư Thiên khác nữa đều là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn.”

4. “Thưa ngài Nāgasena, nếu những người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, thế thì các pháp từ khước phục vụ mục đích gì? Vì lý do ấy, các pháp từ khước là việc làm không thuộc về bốn phận. Thưa ngài Nāgasena, nếu các cơn bệnh được lắng dịu không cần chú thuật và dược thảo, thì cần gì với việc làm yếu đuối cơ thể bởi sự nôn mửa và xổ ruột, v.v...? Nếu sự trấn áp kẻ thù nghịch là bằng các nắm tay, thì cần gì với gươm, giáo, tên, cung, nỏ, đui cui, chày vồ? Nếu có được việc leo lên cây sau khi bám vào chạng cây, khúc cong, lỗ hồng, mầm gai, dây leo, cành cây, thì cần gì với việc tìm kiếm cái thang dài và chắc chắn? Nếu có sự điều hòa tứ đại với việc nằm ở nền đất, thì cần gì với việc tâm cầu giường nằm to lớn khổng lồ rục rở, có sự xúc chạm thoải mái? Nếu mỗi một mình có khả năng vượt qua bãi sa mạc có sự nguy hiểm, có sự sợ hãi, không bằng phẳng, thì cần gì với đoàn xe to lớn khổng lồ đã được chuẩn bị, đã được vũ trang? Nếu có khả năng vượt qua sông hồ bằng cánh tay, thì cần gì với việc tìm kiếm cây cầu và thuyền bè vững chắc? Nếu có thể làm ra thức ăn thức mặc bằng vật sở hữu của bản thân, thì cần gì với việc hầu hạ, việc nói lời thương mến, và việc lăng xăng chạy phía trước phía sau những kẻ khác? Nếu nước được lấy ở hồ thiên nhiên, thì cần gì với việc đào giếng nước, ao, hồ? Thưa ngài Nāgasena, tương tự y như thế nếu những người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, thì cần gì với việc thọ trì cao quý về hạnh từ khước?”

5. “Tàu đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi. Hai mươi tám đức tính nào? Tàu đại vương, ở đây pháp từ khước là sự nuôi mạng trong sạch, có quả an lạc, không có tội lỗi, không gây đau khổ cho người khác, không sợ hãi, không tự hành hạ mình, thuần túy liên quan đến sự tiến triển, không đưa đến hư hoại, không giả dối, là sự bảo vệ, sự ban cho điều đã được mong mỏi, sự huấn luyện cho tất cả chúng sanh, có sự thu thúc là lợi ích, là sự đúng đắn, không bị lệ thuộc, được thoát ra khỏi, là sự diệt tận luyến ái, diệt tận sân, diệt tận si, dứt bỏ ngã mạn, cắt đứt suy nghĩ xấu xa, vượt khỏi sự nghi hoặc, tiêu diệt sự lười biếng, dứt bỏ sự không ưa thích, sự chịu đựng, không so sánh được, không đo lường được, đưa đến sự diệt tận tất cả khổ đau. Tàu đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi.

Ye kho te mahārāja dhutaguṇe sammā upasevanti te aṭṭhārasahi guṇehi samupetā bhavanti. Katamehi aṭṭhārasahi? Cāro¹ tesam suvisuddho hoti, paṭipadā supūritā hoti, kāyikaṃ vācasikaṃ surakkhitaṃ hoti, manosamācāro suvisuddho hoti, viriyaṃ supaggahitaṃ hoti, bhayaṃ vūpasammati, attānudiṭṭhi byapagatā hoti, āghāto uparato hoti, mettā upaṭṭhitā hoti, āhāro pariññāto hoti, sabbasattānaṃ garukato hoti, bhojane mattaññū hoti, jāgariyaṃ anuyutto hoti, aniketo hoti, yattha phāsu tattha vihārī hoti, pāpajegucchī hoti, vivekāramo hoti, satataṃ appamatto hoti. Ye te mahārāja dhutaguṇe sammā upasevanti, te imehi aṭṭhārasahi guṇehi samupetā bhavanti.

6. Dasa ime mahārāja puggalā dhutaguṇārahā. Katame dasa? Saddho hoti hirimā dhitimā akuho atthavasī alolo sikkhākāmo dalhasamādāno anujjhānabahulo mettāvihārī. Ime kho mahārāja dasapuggalā dhutaguṇārahā.

7. Ye te mahārāja gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti, sabbe te purimāsu jātisu terasasu dhutaguṇesu katūpāsanaṃ katabhūmikammā. Te tattha cāraṇca paṭipattiṇca sodhayitvā ajetarahi gihī 'va santā santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti.

Yathā mahārāja kusalo issattho² antevāsike paṭhamaṃ tāva upāsana-sālāyaṃ cāpabheda-cāpāropanagahaṇa-muṭṭhipatipīlana-aṅgulivināmana-pādaṭhapaṇa-saragahaṇa-sandahana³-ākaḍḍhana-sandhāraṇa-lakkha-niyamana-hipane tiṇapurisaka-chaṇaka⁴-tiṇa-palāla-mattikā-puñjaphalaka-lakkha-vedhe anusikkhāpetvā rañño santike upāsanaṃ ārādhayitvā ājañña-ratha-gaja-turaga⁵-dhanadhañña-hiraññasuvaṇṇa-dāsīdāsa-bhariyā-gāmavaraṃ labhati.

Evameva kho mahārāja ye te gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti, te sabbe purimāsu jātisu terasasu dhutaguṇesu katūpāsanaṃ katabhūmikammā. Te tattheva cāraṇca paṭipattiṇca sodhayitvā ajetarahi gihīyeva santā santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti. Na mahārāja dhutaguṇesu pubbāsevanaṃ vinā ekissā yeva jātiyā arahattasacchikiriyaṃ hoti, uttamena pana viriyena uttamāya paṭipattiyā tathārūpena ācariyena kalyāṇamittena arahattasacchikiriyaṃ hoti.

¹ ācāro - Ma.

² issāso - Ma.

³ sannahana - Ma.

⁴ chakaṇa - Ma.

⁵ turaṅga - Ma, PTS.

Tâu đại vương, những người nào thực hiện đúng đắn các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội hợp với mười tám đức tính. Với mười tám đức tính nào? Cách cư xử của những vị ấy khéo được thanh tịnh, sự thực hành khéo được đầy đủ, thân khẩu khéo được hộ trì, sự hành xử của ý khéo được thanh tịnh, sự tinh tấn khéo được nắm giữ, sợ hãi được lắng xuống, tùy ngã kiến được xa lìa, sự cảm hận được đình chỉ, tâm từ được thiết lập, vật thực được nhận biết rõ rệt, được kính trọng đối với tất cả chúng sanh, biết vừa đủ về vật thực, gắn liền với sự tinh thức, không cần chỗ ngụ, nơi nào có sự thoải mái thì trú ngụ ở nơi ấy, có sự nhờn gớm về điều ác, có sự thích thú nơi thanh vắng, thường xuyên không xao lãng. Tâu đại vương, những người nào thực hiện đúng đắn các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội hợp với mười tám đức tính.

6. Tâu đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. Mười hạng nào? Là người có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự sáng suốt, không lường gạt, có khả năng đối với mục đích, không tham, ưa thích sự học tập, có sự thọ trì kiên cố, không có nhiều sự than phiền, có sự an trú tâm từ. Tâu đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước.

7. Tâu đại vương, những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn.

Tâu đại vương, giống như người cung thủ thiện xảo, trước tiên hết bắt những người học trò noi gương tập luyện ở phòng huấn luyện về việc phân loại cây cung, việc nâng lên và nắm giữ cây cung, việc kìm chặt nắm tay, việc cong lại ngón tay, việc đặt đế bàn chân, việc nắm lấy mũi tên, việc đặt vào, việc kéo căng ra, việc giữ chặt, việc nhắm vào mục tiêu, việc buông ra, về việc xuyên thủng mục tiêu là hình nhân bằng gỗ, bãi phân thú vật, đồng cỏ, đồng rơm, đồng đất sét, tấm ván, sau khi hoàn thành về thuật bắn cung trong sự hiện diện của đức vua thì được nhận lãnh ân huệ về ngựa thuần chủng, xe kéo, voi, ngựa chiến, tài sản, thóc lúa, vàng khối, vàng ròng, tôi trai, tớ gái, vợ, làng mạc.

Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn. Tâu đại vương, không có sự luyện tập trước đây về các hạnh từ khước thì không có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán chỉ trong một kiếp sống, hơn nữa với sự tinh tấn tốt bậc, với sự thực hành tốt bậc, với người thầy có hình thức như thế, với người bạn tốt lành thì có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán.

8. Yathā vā pana mahārāja bhisakko sallakatto ācariyaṃ dhanena vā vattapaṭipattiyā vā ārādhelvā satthagahaṇa-chedana-lekhana-vedhana-salluddharaṇa-vaṇadhovana-sosana-bhesajjānulimpana-vamana-virecanānuvāsana-kiriyamanusikkhitvā vijjāsu katasikkho katūpāsano katahattho āture upasaṅkamati tikicchāya.

Evameva kho mahārāja ye te gihī agārikā kāmabhogino santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti, te sabbe purimāsu jātisu terasasu dhutaḡuṇesu katūpāsanaṃ katabhūmikammā. Te tattheva cāraṇca paṭipattiṇca sodhayitvā ajjetarahi gihīyeva santā santaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ sacchikaronti. Na mahārāja dhutaḡuṇehi avisuddhānaṃ dhammābhisamayo hoti.

Yathā mahārāja udakassa asecanena bījānaṃ avirūhanaṃ hoti. Evameva kho mahārāja dhutaḡuṇehi avisuddhānaṃ dhammābhisamayo na hoti.

Yathā vā pana mahārāja akatakusalānaṃ akatakalyāṇānaṃ sugatigamaṇaṃ na hoti. Evameva kho mahārāja dhutaḡuṇehi avisuddhānaṃ dhammābhisamayo na hoti.

9. Paṭhavisamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ paṭiṭṭhāṭṭhena.

Āposamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbakilesamala-dhovanaṭṭhena.

Tejosamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbakilesavanajjhāpanaṭṭhena.

Vāyosamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbakilesamalarajo-pavāhanaṭṭhena.

Agadasamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbakilesabyādhi-vūpasamanaṭṭhena.

Amatasamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbakilesavisanāsanāṭṭhena.

Khettasamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ sabbasāmañña-ḡuṇasassa-virūhanaṭṭhena.

Manoharasamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ patthiticchita-sabbasampatti-varadadaṭṭhena.

Nāvāsamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ saṃsāramahaṇṇava-pāragamanaṭṭhena.

Bhīruttānasamaṃ mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmānaṃ jarāmarāṇa-bhītānaṃ assāsakaraṇaṭṭhena.

8. Tâu đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật sau khi đã làm hài lòng người thầy với tài sản hoặc bằng việc thực hành phận sự, sau khi đã noi theo học tập công việc cầm cây dao, việc cắt, việc rạch, việc xuyên thủng, việc rút ra cây tên, việc rửa vết thương, việc làm khô, việc bôi thuốc, việc áp dụng đầu thơm cho việc nôn mửa và việc xổ ruột, khi đã thực hành việc học tập về các kiến thức, đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành tay nghề, thì đi thăm những người bệnh nhằm việc chữa trị.

Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chúng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chúng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết Bàn. Tâu đại vương, không có sự lãnh hội Giáo Pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

Tâu đại vương, giống như không có sự rưới nước thì không có sự mọc lên của hạt giống. Tâu đại vương, tương tự y như thế không có sự lãnh hội Giáo Pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

Tâu đại vương, hoặc là giống như không có việc đi đến cảnh giới tốt đẹp đối với những người đã không làm các việc thiện, đã không làm các việc tốt. Tâu đại vương, tương tự y như thế không có sự lãnh hội Giáo Pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

9. Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, thì hạnh từ khước ví như trái đất theo ý nghĩa nơi nâng đỡ.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như nước theo ý nghĩa rửa sạch tất cả bợn nhơ phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọn lửa theo ý nghĩa thiêu đốt tất cả cánh rừng phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như gió theo ý nghĩa thổi đi tất cả bợn nhơ bụi bặm về phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc giải độc theo ý nghĩa làm lắng dịu tất cả tật bệnh về phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc bắt tử theo ý nghĩa tiêu diệt tất cả chất độc phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thửa ruộng theo ý nghĩa làm mọc lên tất cả mùa màng về Samôn hạnh.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọc như ý theo ý nghĩa ban cho ân huệ về mọi sự thành tựu đã được mong mỏi, ước ao.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chiếc thuyền theo ý nghĩa đi đến bờ bên kia của đại dương luân hồi.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chốn nương nhờ cho người bị sợ hãi theo ý nghĩa việc làm an ủi cho những người sợ hãi sự già và sự chết.

Mātusamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ kilesadukkha-patipīḷitānaṃ anuggāhakaṭṭhena.

Pitusamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ kusalavaḍḍhikāmaṇaṃ sabbasāmaññaṅga-janakaṭṭhena.

Mittasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ sabbasāmaññaṅga-pariyesana-avisaṃvādakaṭṭhena.

Padumasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ sabbakilesa-malehi anupalittaṭṭhena.

Catuḷḷāyavaragandhasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ kilesaduggandha-paṭivinodanaṭṭhena.

Girirājavarasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ aṭṭhaloka-dhammavātehi akampiyaṭṭhena.

Ākāśasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ sabbatthagahaṇāpagata-uru-visaṭa-vitthata-mahantaṭṭhena.

Nadīsamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ kilesamalapavāhanaṭṭhena.

Sudesikasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ jātikantāra-kilesavanagahana-nittharaṇaṭṭhena.

Mahāsattavāhasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ sabbabhaya-suñña-khemaabhaya-varapavarani-bbānanagarasampāpanaṭṭhena.

Sumajjitavimalādāsasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ saṅkhārānaṃ sabhāvadassanaṭṭhena.

Phalakasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ sabba¹-kilesa-lagūla-sara-satti-paṭibāhanaṭṭhena.

Chattasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ kilesavassat-tividhaggi-santāpa²-paṭibāhanaṭṭhena.

Candasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ pihayita-patthitaṭṭhena.

Suriyasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ moha-tama-timira-nāsaṇaṭṭhena.

Sāgarasamaṃ mahārāja dhutaṅgaṃ visuddhikāmaṇaṃ aneka-vidha-sāmaññaṅga-vararatanuṭṭhānaṭṭhena, aparimitamasāṅkheyyam-appameyyaṭṭhena ca.

¹ sabba - itisaddo Ma, PTS potthakesu natthi.

² santāpātapa - Ma, PTS.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người mẹ theo ý nghĩa người hỗ trợ cho những người bị áp bức bởi phiền não khổ đau.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người cha theo ý nghĩa người sanh ra tất cả Sa-môn hạnh cho những người có ước muốn tăng trưởng thiện pháp.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người bạn theo ý nghĩa không lường gạt trong việc tâm cầu tất cả Sa-môn hạnh.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như loài sen theo ý nghĩa không bị lấm lem bởi mọi phiền não ô nhiễm.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như bốn loại hương thơm cao quý theo ý nghĩa xua đuổi mùi thối của phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như núi chúa cao quý theo ý nghĩa không bị lay động bởi các ngọn gió của tám pháp thế gian.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như không trung theo ý nghĩa bao la, tỏa ra, rộng, lớn đối với việc bám víu ở mọi nơi đã được tách rời.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như dòng sông theo ý nghĩa chuyên tải các bợn nhơ phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người dẫn đường giỏi theo ý nghĩa thoát ra khỏi sa mạc của sự sanh và vùng rậm rạp của khu rừng phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người hướng dẫn đoàn xe vĩ đại theo ý nghĩa đạt đến thành phố Niết Bàn cao quý và ưu tú, không sợ hãi, an toàn, và không còn tất cả các sự sợ hãi.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm gương được chùi kỹ lưỡng không vết nhơ theo ý nghĩa nhìn thấy bản thể thật của các hành.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm mộc che theo ý nghĩa ngăn chặn tất cả các cây gậy, mũi tên, gươm đao phiền não.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chiếc lọng che theo ý nghĩa ngăn chặn cơn mưa phiền não và sức đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trăng theo ý nghĩa được ước muốn, được mong cầu.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trời theo ý nghĩa tiêu diệt sự tăm tối của bóng tối si mê.

Tâu đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như biển cả theo ý nghĩa nâng cao các viên ngọc quý giá về đức hạnh Sa-môn và theo ý nghĩa không đo lường được, không thể tính toán, không thể ước lượng.

10. Evaṃ kho mahārāja dhutaḡuṇaṃ visuddhikāmaṇaṃ bahūpakāraṃ sabbadarathaparilāhanudaṃ aratinudaṃ bhayanudaṃ bhavanudaṃ khilanudaṃ malanudaṃ sokanudaṃ dukkhanudaṃ rāganudaṃ dosanudaṃ mohanudaṃ mānanudaṃ diṭṭhinudaṃ sabbākusaladhammanudaṃ, yasāvahaṃ hitāvahaṃ sukhāvahaṃ, phāsukaraṃ pitikaraṃ yogakkhemakaraṃ anavajjaṃ itṭhasukhavipākaṃ guṇarāsiṃ guṇapuñjaṃ aparimita-appameyyaḡuṇaṃ, varaṃ pavaraṃ aggaṃ.

Yathā mahārāja manussā upatthambhavasena bhojanaṃ upasevanti, hitavasanaena bhesajjaṃ upasevanti, upakāravasena mittamaṃ upasevanti, tāraṇavasana nāvaṃ upasevanti, sugandhavasana mālagandhaṃ upasevanti, abhayavasana bhīruttāṇaṃ upasevanti, paṭiṭṭhāvasana pathaviṃ upasevanti, sippavasana ācariyaṃ upasevanti, yasavasana rājānaṃ upasevanti, kāmadadavasana maṇirataṇaṃ upasevanti. Evameva kho mahārāja sabbasāmañṇaḡuṇadadavasana ariyā dhutaḡuṇaṃ upasevanti.

11. Yathā vā pana mahārāja udakaṃ bijavirūhanāya, aggi jhāpanāya, āhāro balāharaṇāya, latā bandhanāya, satthaṃ chedanāya, pāṇiyaṃ pipāsāvinayanāya, nidhi assāsakaraṇāya, nāvā tīrasampāpanāya, bhesajjaṃ byādhivūpasamaṇāya, yānaṃ sukhagamaṇāya, bhīruttāṇaṃ bhaya-vinodaṇāya, rājā ārakkhatthāya, phalakaṃ daṇḍa-leḍḍu-lagūla-sara-satti-paṭibāhanāya, ācariyo anusāsaṇāya, mātā posanāya, ādāso olokaṇāya, alaṅkāro sobhāya, vatthaṃ paṭicchādanāya, nisseṇi ārohaṇāya, tulā nikkhepanāya,¹ mantamaṃ parijapanāya,² āvudhaṃ tajjanīyapaṭibāhanāya, paḍīpo andhakāra-vidhamaṇāya, vāto pariḷāhanibbāpanāya, sippamaṃ vuttinipphādanāya, agadaṃ jīvitarakkhaṇāya, ākaro ratanuppādāya, ratanaṃ alaṅkāraṇāya, āṇā anatikkamaṇāya, issariyaṃ vasavattaṇāya.

¹ tulā visamavikkhepanāya - Ma.

² mantamaṃ parijapanāya - Ma.

10. Tàu đại vương, như vậy hạnh từ khước đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh là có nhiều sự giúp đỡ, xua đi mọi sự khó chịu và bực bội, xua đi sự không thích thú, xua đi nỗi sợ hãi, xua đi sự hiện hữu, xua đi sự cứng nhắc (của tâm), xua đi ô nhiễm, xua đi sầu muộn, xua đi khổ đau, xua đi ái luyến, xua đi sân hận, xua đi si mê, xua đi ngã mạn, xua đi tà kiến, xua đi tất cả các pháp bất thiện, đem lại danh tiếng, đem lại lợi ích, đem lại an lạc, tạo sự thoải mái, tạo sự vui vẻ, tạo sự an toàn đối với các trói buộc, không có tội lỗi, có quả thành tựu dễ chịu và an lạc, là khối đức hạnh, là đồng đức hạnh, có đức hạnh vô lường, vô lượng, cao quý, ưu tú, tối thắng.

Tàu đại vương, giống như loài người nhờ cây vật thực vì muốn sự nâng đỡ, nhờ cây thuốc men vì muốn sự lợi ích, nhờ cây bạn bè vì muốn sự giúp đỡ, nhờ cây chiếc thuyền vì muốn sự vượt qua, nhờ cây mùi thơm của tràng hoa vì muốn mùi thơm tốt, nhờ cây chỗ ẩn nấu đối với sự sợ hãi vì muốn sự không còn sợ hãi, nhờ cây trái đất vì muốn chỗ nâng đỡ, nhờ cây người thầy vì muốn nghề nghiệp, nhờ cây đức vua vì muốn danh vọng, nhờ cây ngọc báu ma-ni vì muốn sự ban cho điều ước muốn. Tàu đại vương, tương tự y như thế các bậc Thánh nhờ cây hạnh từ khước vì muốn sự ban phát tất cả đức hạnh của vị Sa-môn.

11. Tàu đại vương, hoặc là giống như nước nhằm việc tăng trưởng của hạt giống, lửa nhằm việc thiêu đốt, thực phẩm nhằm mang lại sức mạnh, dây leo vì sự trói buộc, dao vì việc cắt đứt, nước uống nhằm việc xua đuổi cơn khát, của chôn giấu nhằm sự an tâm, chiếc thuyền nhằm việc đạt đến bờ, thuốc men nhằm làm lắng dịu cơn bệnh, xe cộ nhằm việc đi lại được an lạc, chỗ ẩn nấu đối với sự sợ hãi nhằm xua đi nỗi sợ hãi, đức vua nhằm mục đích bảo vệ, tấm mộc che nhằm ngăn chặn roi vọt, đất cục, gậy gộc, mũi tên, gươm đao, thầy giáo nhằm việc chỉ dạy, người mẹ nhằm việc nuôi dưỡng, tấm gương nhằm việc nhìn xem, đồ trang sức vì sắc đẹp, vải vóc nhằm việc che đậy, cái thang nhằm việc leo lên, cái cân nhằm loại bỏ, chú thuật để đọc lẩm nhẩm, vũ khí nhằm ngăn chặn sự hăm dọa, ngọn đèn nhằm tiêu diệt bóng tối, gió nhằm dập tắt sự nóng nực, nghề nghiệp nhằm thành tựu sự sinh sống, thuốc giải độc nhằm bảo vệ mạng sống, hầm mỏ nhằm sản xuất châu ngọc, châu ngọc nhằm để trang điểm, mệnh lệnh nhằm việc không vượt qua, uy quyền nhằm vận hành mệnh lệnh.

Evameva kho mahārāja dhutagaṇaṃ sāmāññabīja-virūhaṇāya
 kilesamalajhāpanāya iddhibalāharaṇāya satisaṃvara-nibandhanāya
 vimativicikicchā-samucchedanāya taṇhāpipāsā-vinayanāya
 abhisamayassāsakaraṇāya caturogha-nittharaṇāya kilesabyādhi-vūpasamāya
 nibbānasukha-paṭilābhāya jāti-jarā-byādhi-maraṇa-soka-parideva-dukkha-
 domanassupāyāsabhaya-vinodanāya sāmāññagaṇa-parirakkhanāya
 aratikuvitakka-paṭibāhanāya sakalasāmāññatthānusāsanāya sabba-
 sāmāññagaṇa-posanāya samathavipassanāmaggaphalanibbāna-dassanāya
 sakalalokathutathomitamahāsobhākaraṇāya sabbāpāyapidahanāya
 sāmāññattha-selasikhara-muddhani abhirūhaṇāya vaṅkakuṭilavisamacitta-
 nikkhepanāya¹ sevittabbāsevitabbadhamme sādhu sajjhāyakaṇāya
 sallakilesa²paṭisattu-tajjanāya avijjandhakāra-vidhamanāya tividhaggi-
 santāpapaṭilāha-nibbāpanāya saṅhasukhumasanta-samāpatti-nippādanāya
 sakalasāmāññagaṇa-parirakkhanāya bojjhaṅgavararatanuppādāya
 yogijanālaṅkaraṇāya anavajjanipuṇasukhumasantisukhānatikkamanāya
 sakalasāmāñña-ariyadhammavasavattanāya. Iti mahārāja imesaṃ gaṇaṇaṃ
 adhigamāya yadidaṃ ekamekaṃ dhutagaṇaṃ. Evaṃ mahārāja atuliyāṃ
 dhutagaṇaṃ appameyyāṃ asamaṃ appaṭisamaṃ appaṭibhāgaṃ
 appaṭiseṭṭhaṃ uttaraṃ seṭṭhaṃ viṭṭhaṃ adhikaṃ āyataṃ puthulaṃ
 viṣaṭaṃ vitṭhataṃ garukaṃ bhāriyaṃ mahantaṃ 'ti.

12. Yo kho mahārāja puggalo pāpiccho icchāpakato kuhako luddho
 odariko lābhakāmo yasakāmo kittikāmo ayutto appatto ananucchaviko
 anāraho³ appatirūpo dhutaṅgaṃ samādiyati, so dvigaṇaṃ daṇḍamāpajjati
 sabbagaṇaghātamāpajjati diṭṭhadhammikaṃ hīlanaṃ khīlanaṃ garahanaṃ
 uppaṇḍanaṃ khipanaṃ asambhogaṃ nissāraṇaṃ nicchubhanaṃ
 pavāhanaṃ pabbājanaṃ paṭilabhati, samparāye 'pi satayojanike
 avicimāhāniraye uṇha-kāṭhita-tatta-santatta-accijālāmālake
 anekavassakoṭisatasahassāni uddhamadho tiriyaṃ pheṇuddehakaṃ
 samparivattakaṃ paccati, tato mucctivā kisa-pharusa-kālaṅgapaccaṅgo
 sūnuddhumāta-sūcimukhappamāṇa-susiruttamaṅgo⁴ chāto pipāsito visama-
 bhīma-rūpavaṇṇo bhagga-kaṇṇasoto ummīlita-nimīlita-nettanayano
 arugatta-pakkagatto puḷavākiṇṇa-sabbakāyo, vātamukhe jalamāno viya
 aggikkhandho anto jalamāno pajjalamaṇo attāṇo asaraṇo ārunnarunna-
 kāruñña-ravaṃ paridevamāno nijjhāmataṇhiko samaṇamahāpeto hutvā
 āhiṇḍamaṇo mahiyā aṭṭassaraṃ karoti.

¹ cittavikkhepanāya - Ma.

² sabbakilesa - Ma, PTS.

³ anaraho - Ma, PTS, evaṃ sabbattha.

⁴ sūnuddhumātasusiruttamaṅgo - Ma, PTS.

Tâu đại vương, tương tự y như thế hạnh từ khước nhằm việc tăng trưởng hạt giống Sa-môn, nhằm việc thiêu đốt bợn nhơ phiền não, nhằm mang lại năng lực của thần thông, nhằm buộc chặt sự thu thúc ở niệm, nhằm cắt đứt sự phân vân và nghi ngờ, nhằm xua đuổi sự khát khao về tham ái, nhằm tạo ra sự an tâm trong việc lãnh hội, nhằm thoát ra khỏi bốn dòng nước lũ, nhằm lắng dịu cơn bệnh phiền não, nhằm đạt được an lạc Niết Bàn, nhằm xua đi nỗi sợ hãi về sanh già bệnh chết sâu bi khổ ưu não, nhằm bảo vệ các đức hạnh của Sa-môn, nhằm ngăn chặn sự không ưa thích và các suy nghĩ xấu xa, nhằm chỉ dạy toàn thể mục đích của đời sống Sa-môn, nhằm nuôi dưỡng tất cả các đức hạnh của đời sống Sa-môn, nhằm việc xem xét về chỉ tịnh, minh sát, Đạo, Quả, và Niết Bàn, nhằm tạo ra vẻ đẹp lớn lao vĩ đại đã được tán dương, khen ngợi bởi toàn thể thế gian, nhằm đóng lại tất cả đọa xứ, nhằm leo lên đỉnh chóp núi đá của mục đích đời sống Sa-môn, nhằm loại bỏ tâm cong, queo, sai trái, nhằm làm cho việc học tập tốt đẹp về các pháp nên thân cận và không nên thân cận, nhằm hăm dọa kẻ thù là mũi tên phiền não, nhằm tiêu diệt bóng tối vô minh, nhằm dập tắt sự đốt nóng và sự nóng nực của ngọn lửa gồm ba loại, nhằm thành tựu sự chứng đạt sự an tịnh tinh vi và tế nhị, nhằm bảo vệ đức hạnh của toàn bộ đời sống Sa-môn, nhằm sản xuất châu ngọc quý giá là các chi phần đưa đến giác ngộ, nhằm để trang điểm người hành giả, nhằm việc không vượt qua sự an lạc của trạng thái an tịnh không tội lỗi, khôn khéo, tế nhị, nhằm vận hành uy lực của Thánh pháp ở toàn bộ đời sống Sa-môn. Tâu đại vương, như vậy mỗi một hạnh từ khước là nhằm đưa đến sự chứng đạt các đức hạnh này. Tâu đại vương, như vậy ‘hạnh từ khước là không thể so sánh, không thể đo lường, không sánh bằng được, không vật tương đương, không vật đối chiếu, không vật trội hơn, là vô thượng, hàng đầu, đặc biệt, vượt trội, trải dài, bao la, tỏa ra, vươn rộng, quan trọng, nghiêm trọng, vĩ đại.’

12. Tâu đại vương, cá nhân nào có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, gian xảo, tham lam, quan tâm đến bao tử, mong muốn lợi lộc, mong muốn danh vọng, mong muốn tiếng tăm, không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp mà thọ trì hạnh từ khước, kẻ ấy gánh chịu hai lần hình phạt, gánh chịu sự phá hại tất cả các đức hạnh, trong thời hiện tại nhận lấy sự khinh bỉ, khinh miệt, chê trách, chế nhạo, giễu cợt, sự không thọ hưởng chung, sự xua đuổi, sự tống khứ, sự đưa đẩy, sự trục xuất, thậm chí ở thời vị lai kẻ ấy, trong nhiều trăm ngàn *koṭi* (nhiều tỷ) năm, bị nung nấu quay tròn lăn lộn với bọt nước ở bề mặt, ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang, trong quầng lưới lửa nóng bỏng, sôi sục, cháy nóng, cháy rục ở đại địa ngục vô gián rộng một trăm do-tuần, sau khi được thoát ra khỏi nơi ấy, thì có cơ thể và tứ chi gãy ốm, thô kệch, đen đui, cái đầu bị sưng, phồng lên, có lỗ thủng với vô số muỗi bám, bị đói, bị khát, có hình thể dáng vóc không đồng đều, khủng khiếp, có lỗ tai bị tơi tả, có tròng con mắt mở ra nhắm lại, có cơ thể bị thương tích, cơ thể bị thối rữa, toàn bộ thân thể lúc nhúc giòi bọ, có ngọn lửa đang đốt cháy đang phát cháy ở bên trong, tựa như đang đốt cháy ở đầu ngọn gió, không sự bảo vệ, không sự nương nhờ, đang than vãn tiếng khóc tỉ tê, nước nỡ, bị thương, sau khi trở thành hạng ngạ quỷ to lớn có hình dáng Sa-môn luôn bị dẫn dắt bởi sự khao khát, đi lang thang ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết.

Yathā mahārāja koci ayutto appatto ananucchaviko anāraho appatirūpo hīno kujātiko khattiyābhisekena abhisiñcati, so labhati hatthacchedaṃ pādacchedaṃ hatthapādacchedaṃ kaṇṇacchedaṃ nāsacchedaṃ kaṇṇanāsacchedaṃ bilaṅgathālikāṃ saṅkhamuṇḍikāṃ rāhumukhaṃ jotimālikāṃ hatthapajjotikāṃ erakavattikāṃ cirakavāsikāṃ eṇeyyakāṃ baḷisamaṃsikāṃ kahāpaṇakāṃ khārāpatacchikāṃ paḷighaparivattikāṃ palālapīṭhakaṃ, tattena telena osiñcanaṃ, sunakhehi khādāpanaṃ, jīvasūlāropanaṃ, asinā sīsacchedaṃ, anekavihitampi kammakaraṇaṃ anubhavati. Kiṃkāraṇā? Ayutto appatto ananucchaviko anāraho appatirūpo hīno kujātiko mahante issariye ṭhāne attānaṃ ṭhapesi, velaṃ ghātesi. Evameva kho mahārāja yo koci puggalo pāpiccho —pe— mahiyā aṭṭassaraṃ karoti.

13. Yo pana mahārāja puggalo yutto patto anucchaviko araho patirūpo appiccho santuṭṭho pavivitto asaṃsaṭṭho āraddhaviriyo pahitto asaṭṭho amāyo na odariko na lābhakāmo na yasakāmo na kittikāmo saddho saddhāpabbajito jarāmaraṇā muccitukāmo ‘sāsaṇaṃ paggaṇhissāmī’ ti dhutaṅgaṃ samādiyati, so diguṇaṃ pūjaṃ arahati, devānaṃca manussānaṃca¹ piyo hoti manāpo pihayito patthito, jātisumanamallikādīnaṃ viya pupphaṃ nahātānulittassa, jighacchitassa viya paṇitabhojanaṃ, pipāsitassa viya sītala-vimala-surabhi-pāṇīyaṃ, visagatassa viya osadhavaraṃ, sīghagamanakāmassa viya ājaññarathavaruttamaṃ, atthakāmassa viya manoharamaṇiratanāṃ, abhisiñcitu-kāmassa viya paṇḍara-vimala-setacchattaṃ, dhammakāmassa viya arahattaphalādhigamamanuttaraṃ. Tassa cattāro satipaṭṭhānā bhāvanā pāripūraṃ² gacchanti, cattāro sammappadhānā cattāro iddhipādā pañcindriyāni pañcabalāni sattabojjhaṅgā ariyo aṭṭhaṅgiko maggo bhāvanā pāripūraṃ gacchanti, samathavipassanā adhigacchati, adhigamapaṭipatti pariṇamati, cattāri sāmāññaphalāni catasso paṭisambhidā tisso vijjā chaḷabhiññā kevalo ca samaṇadhammo sabbe tassādheyyā honti. Vimuttiapaṇḍaravimalasetacchattena abhisiñcati.

¹ manussānaṃca - itisaddo Machasaṃ na dissate.

² bhāvanāpāripūriṃ - Ma, PTS.

Tâu đại vương, giống như người nào đó không không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa mà phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-ly, kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, (nhúng vào) hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng đầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm, gánh chịu việc làm của nghiệp theo nhiều cách. Vì lý do gì? Kẻ không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa, đã đặt bản thân vào địa vị vương quyền to lớn, đã thủ tiêu ranh giới. Tâu đại vương, tương tự y như thế cá nhân nào có ước muốn xấu xa, —(như trên)— ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết.

13. Tâu đại vương, tuy nhiên cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu, thích đáng, xứng đáng, phù hợp, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nỗ lực tinh tấn, bản tánh cương quyết, không gian trá, không xảo quyệt, không quan tâm đến bao tử, không mong muốn lợi lộc, không mong muốn danh vọng, không mong muốn tiếng tăm, có đức tin, xuất gia vì đức tin, mong muốn thoát khỏi già chết, (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ hiểu được Giáo Pháp’ rồi thọ trì hạnh từ khước, vị ấy xứng đáng sự cúng dường gấp hai lần, đối với chư Thiên và loài người là vị được yêu mến, được ưa thích, được ước muốn, được mong cầu, như là bông hoa của các loài hoa nhài trâu, nhài Ả-rập, v.v... đối với người đã được tắm đã được thoa dầu, như là thức ăn hảo hạng đối với người bị thèm ăn, như là nước uống mát sạch thơm tho đối với người bị khát, như là dược thảo cao quý đối với người bị nhiễm độc, như là cỗ xe ngựa thuần chủng cao quý tối thượng đối với người mong muốn đi nhanh, như là ngọc quý ma-ni như ý đối với người có ước muốn về mục đích, như là chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ đối với người có ước muốn được phong vương, như là sự chứng đắc vô thượng của quả vị A-la-hán đối với người có ước muốn về Giáo Pháp. Đối với vị ấy, bốn sự thiết lập niệm nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ; bốn chánh căn, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ, chứng đắc chỉ tịnh và minh sát, hoàn thiện sự thực hành của sự chứng đắc; bốn quả báu của đời sống Sa-môn, bốn tuệ phân tích, ba Minh, sáu Thắng Trí, và toàn bộ pháp Sa-môn, tất cả là thuộc về vị ấy. Vị ấy được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát.

Yathā mahārāja rañño khattiyassa abhijātakulakulīnassa khattiyābhisekena abhisittassa paricaranti saraṭṭha-negama-jānapada-bhaṭa-balatthā,¹ aṭṭhatimsā ca rājaparisā naṭa-naccakā mukha-maṅgalikā sotthivācakā samaṇabrāhmaṇasabbapāsaṇḍagaṇā abhigacchanti, yaṃ kiñci paṭhaviyā paṭṭana-ratanākara-nagara-suñkaṭṭhāna-verajjaka-chejja-bhejja-janānusāsanam sabbattha sāmiko bhavati. Evameva kho mahārāja yo koci puggalo yutto patto —pe— vimuttipaṇḍaravimalasetacchattena abhisiñcati.

14. Terasime mahārāja dhutaṅgāni yehi suddhikato nibbānamahā-samuddam pavisitvā bahuvidhadhammakīlamabhikīḷati, rūpārūpa-aṭṭhasamāpattiyo vaḷañjeti, iddhividham dibbasotadhātum paracitta-vijānanam pubbenivāsānussatiṃ dibbacakkhum sabbāsavakkhayañca pāpuṇāti. Katame terasa? Paṃsukūlikaṅgam tecīvarikaṅgam piṇḍapātikaṅgam sapaḍānacārikaṅgam ekāsānikaṅgam pattapiṇḍikaṅgam khalupacchābhattikaṅgam āraññakaṅgam rukkhāmūlikaṅgam abbhokāsikaṅgam sosānikaṅgam yathāsanthatikaṅgam nesajjikaṅgam. Imehi kho mahārāja terasahi dhutaṅgehi pubbe āsevitehi nisevitehi ciṇṇehi pariciṇṇehi caritehi upacaritehi paripūrītehi kevalam sāmāññam paṭilabhati, tassādheyyā honti kevalā santā sukhā samāpattiyo.

Yathā mahārāja sadhano nāviko paṭṭane suṭṭhukatasuṅko mahāsamuddam pavisitvā vaṅgam takkolaṃ cīnam sovīram suraṭṭham alasandaṃ kolapaṭṭam suvaṇṇabhūmiṃ gacchati aññampi yaṃ kiñci nāvāsañcaraṇam. Evameva kho mahārāja imehi terasahi dhutaṅgehi pubbe āsevitehi nisevitehi ciṇṇehi pariciṇṇehi caritehi upacaritehi paripūrītehi kevalam sāmāññam paṭilabhati, tassādheyyā honti kevalā santā sukhā samāpattiyo.

Yathā mahārāja kassako paṭhamam khettadosam tiṇa-kaṭṭha-pāsāṇam apanetvā kasitvā vapitvā sammā udakam pavesetvā rakkhitvā gopetvā lavaṇa-maddanena bahudhaññako hoti, tassādheyyā bhavanti ye keci adhanā kapaṇā daḷiddā duggatajanā. Evameva kho mahārāja imehi terasahi dhutaṅgehi pubbe āsevitehi nisevitehi —pe— kevalā santā sukhā samāpattiyo.

¹ bhaṭabalā - Ma.

Tâu đại vương, giống như đối với vị vua dòng Sát-đế-ly, sanh ra ở nơi quý phái, có dòng dõi gia tộc, đã được phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-ly, thì có các thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính thuộc vương quốc phục tùng, và ba mươi tám toán tùy tùng của đức vua, các kịch sĩ và vũ công, những người tiên đoán điềm lành, những người nói lời chúc tụng, các Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả các nhóm người ngoại đạo tìm đến; bất cứ việc gì ở trái đất như là bến tàu, hầm mỏ châu báu, thành phố, trạm thuế, các người khác xứ, việc xử chặt, việc xử chém, việc chi thị dân chúng, vị vua ấy trở thành người chủ ở tất cả các nơi. Tâu đại vương, tương tự y như thế cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu, —(như trên)— được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát.

14. Tâu đại vương, đây là mười ba pháp từ khước, được làm trong sạch với các pháp này, (vị tỳ khu) tiến vào đại dương Niết Bàn, tiêu khiển trò tiêu khiển của Giáo Pháp có nhiều loại, rồi tiến đến tám sự chứng đạt của sắc giới và vô sắc giới, đạt được nhiều loại thần thông, Thiên nhĩ giới, nhận biết tâm của người khác, nhớ lại các kiếp sống quá khứ, Thiên nhãn, và sự diệt tận tất cả các lậu hoặc. Mười ba pháp nào? Pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị chuyên đi khát thực, pháp của vị đi khát thực tuân tự theo từng nhà, pháp của vị chỉ một chỗ ngồi (khi thọ thực), pháp của vị thọ thực trong bình bát, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị ngụ ở gốc cây, pháp của vị ở ngoài trời, pháp của vị ngụ ở mộ địa, pháp của vị ngụ chỗ ở theo chỉ định, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm). Tâu đại vương, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà (bây giờ) đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu đại vương, giống như người thuyền trưởng, có tài sản, đã thực hiện tốt đẹp phần thuế ở bến tàu, thì tiến vào đại dương rồi đi đến các xứ Vaṅga, Takkola, Cīna, Sovīra, Suratt̥ha, Alasanda, Kolapatt̥a, Suvannabhūmi, luôn cả bất cứ chỗ nào khác là nơi lai vãng của tàu bè. Tâu đại vương, tương tự y như thế với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà (bây giờ) đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu đại vương, giống như người nông dân trước tiên dời đi các khuyết điểm của thửa ruộng như là cỏ, cành khô, đá sỏi, rồi cày xới, gieo hạt, đưa nước vào đúng đắn, bảo vệ, giữ gìn, rồi với việc giặt hái đập giũ mà trở thành người có nhiều thóc lúa, những người nào không có tài sản, khổn khổ, nghèo khó, người lâm cảnh bất hạnh là thuộc về người ấy. Tâu đại vương, tương tự y như thế với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, —(như trên)— toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Yathā vā pana mahārāja khattiyo muddhāvasitto abhijātakulakulino chejjabhejjajanānusāsane issaro hoti vasavattī sāmiko icchākaraṇo, kevalā ca mahāpaṭhavī tassādheyyā hoti. Evameva kho mahārāja imehi terasahi dhutaḅuṇehi pubbe āsevitehi nisevitehi ciṇṇehi pariciṇṇehi caritehi upacaritehi paripūritehi jinasāsanavare issaro hoti vasavattī sāmiko icchākaraṇo, kevalā ca samaṇaḅuṇā tassādheyyā honti.

15. Nanu mahārāja thero upaseno vaṅgantaputto sallekhadhutaḅuṇe paripūrakāritāya anādiyivā sāvattihīyā saṅghassa katikaṃ sapariso naradammasārathim paṭisallānagataṃ upasaṅkamtivā bhagavato pāde sirasā vanditvā ekamantaṃ nisīdi. Bhagavā ca taṃ suvinitaṃ pariṣaṃ oloketvā haṭṭhatuṭṭho pamudito udaggo parisāya saddhim sallāpaṃ sallapitvā asambhinnena brahmassarena etadavoca:

‘Pāsādikā kho pana tyāyaṃ upasena parisā. Kathaṃ tvamaṃ upasena pariṣaṃ vinesī ’ti? So ’pi sabbaññunā dasabalena devātidevena puṭṭho yathābhūtasabhāvagaṇavasena bhagavantaṃ etadavoca: ‘Yo koci maṃ bhante upasaṅkamtivā pabbajjaṃ vā nissayaṃ vā yācati, tamaḅuṇaṃ evaṃ vadāmi: Ahaṃ kho āvuso ārañṇako piṇḍapātiko paṃsukūliko tecīvariko. Sace tvampi ārañṇako bhavissasi, piṇḍapātiko paṃsukūliko tecīvariko, evāhantaṃ pabbājessāmi, nissayaṃ dassāmī ti. Sace so me bhante paṭissuṇitvā nandati oramati, evāhantaṃ pabbājemi, nissayaṃ demi,¹ evāhaṃ bhante pariṣaṃ vinemī ’ti. Evampi² mahārāja dhutaḅuṇavarasamādinno jinasāsanavare issaro hoti vasavattī sāmiko icchākaraṇo. Tassādheyyā honti kevalā santā sukhā samāpattiyo.

Yathā mahārāja padumaṃ abhivuddha-parisuddha-udiccajātippabhavaṃ siniddhaṃ mudu lobhaniyaṃ sugandhaṃ piyaṃ patthitaṃ pasatthaṃ jalakaddamānupalittaṃ aṇupatta-kesara-kaṇṇikābhimaṇḍitaṃ bhamara-gaṇa-sevitaṃ sītalasalila-saṃvaddhaṃ. Evameva kho mahārāja imehi terasahi dhutaḅuṇehi pubbe āsevitehi nisevitehi ciṇṇehi pariciṇṇehi caritehi upacaritehi paripūritehi ariyasāvako tiṃsagaṇavarehi samupeto hoti. Katamehi tiṃsagaṇavarehi?

¹ sace na nandati na oramati, na taṃ pabbājemi, na nissayaṃ demi - itipāṭho Ma, PTS potthakesu dissate.

² evaṃ kho - Ma.

Tâu đại vương, hoặc là giống như vị Sát-đế-ly đã được làm lễ phong vương ở đầu, đã được sanh ra ở nơi quý phái, có dòng dõi gia tộc, là người chúa tể trong việc xử chặt, xử chém, chỉ thị dân chúng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn, và toàn bộ đại địa cầu là thuộc về vị ấy. Tâu đại vương, tương tự y như thế với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà (bây giờ) trở thành vị chúa tể ở Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; và toàn bộ các đức hạnh của đời sống Sa-môn là thuộc về vị ấy.

15. Tâu đại vương, chẳng phải trường lão Upasena, con trai của Vaṅganta, với sự thực hành đầy đủ các hạnh giảm thiểu và từ khước, sau khi không chấp hành quy định của hội chúng ở Sāvatti, đã cùng tập thể của mình đi đến gặp đấng Điều Ngự Trượng Phu đang thiền tịnh, đã đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn, rồi đã ngồi xuống một bên. Và đức Thế Tôn sau khi nhìn thấy tập thể đã khéo được huấn luyện ấy, thì mừng rỡ, phấn chấn, vui mừng, phấn khởi, sau khi trao đổi chuyện trò với tập thể, rồi với giọng nói của Phạm Thiên không bị lẫn lộn, đã nói điều này:

‘Này Upasena, tập thể này quả là có niềm tin đối với người. Này Upasena, người hướng dẫn tập thể thế nào?’ Được đấng Toàn Tri, bậc Mười Lực, vị Trời vượt trội các vị Trời hỏi, vị ấy bằng năng lực về đức hạnh của tự thân đúng theo sự thật, cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này: - **Bạch ngài, người nào đi đến và cầu xin con sự xuất gia, hoặc pháp nương nhờ, thì con nói với người ấy như vậy: ‘Này đạo hữu, ta là vị hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y. Nếu người cũng sẽ là vị hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y, như thế thì ta sẽ cho người xuất gia, sẽ ban cho pháp nương nhờ.’** Thưa ngài, nếu người ấy sau khi đã đồng ý với con, vui vẻ, hứng thú, như vậy thì con cho người ấy xuất gia, con ban cho pháp nương nhờ. **Bạch ngài, con hướng dẫn tập thể như thế.** Tâu đại vương, cũng như thế, người thọ trì đức hạnh cao quý của các pháp từ khước là vị chúa tể ở Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu đại vương, giống như hoa sen, có nguồn gốc, sanh trường, mọc lên trong sạch cho đến lúc trưởng thành, là trơn láng, mềm mại, đáng ham thích, có mùi thơm tốt, được yêu mến, được mong cầu, được ca tụng, không bị lấm lem bởi nước và bùn, được tô điểm bởi những cánh hoa nhỏ, tua nhị, quả sen, được lai vãng bởi bầy ong, được phát triển ở nước mát lạnh. Tâu đại vương, tương tự y như thế với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà (bây giờ) các vị đệ tử của bậc Thánh được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý. Với ba mươi đức tính cao quý nào?

Siniddha-mudu-maddava-mettacitto hoti, ghātihatavihata-kilesa hoti, hatanihata-mānadappo hoti, acala-dalha-nivittṭha-nibbematika-saddho hoti, paripuṇṇa-piṇita-pahaṭṭha-lobhaniya-santa-sukha-samāpattilābhī hoti, silavarapavara-asamasucigandha-paribhāvito hoti, devamanussānaṃ piyo hoti manāpo, khīṇāsava-ariyavarapuggala-patthito, devamanussānaṃ vanditapūjito, budha-vibudha-paṇḍitajanānaṃ thuta-thavita-thomita-pasattho, idha vā huramaṃ vā lokena anupalitto, appalokavajje 'pi'¹ bhaya-dassāvī, vipulavara-sampattikāmānaṃ maggaphalavaratthasādhano, āyācita-vipula-paṇīta-paccaya-bhāgī, aniketasayano, jhānajjhositatappavara-vihārī,² vijaṭṭita-kilesa-jālavatthu, bhinna-bhagga-saṅkuṭṭita-saṃchinnagatinīvaraṇo, akuppadhammo, abhinītavāso, anavajjabhogī, gativimutto, uttiṇṇa-sabbavicikiccho, vimuttijjhositatto,³ diṭṭhadhammo, acala-dalhabhīruttānamupagato, samucchinnānusayo, sabbāsavakkhayaṃ patto, santa-sukha-samāpatti-vihāra-bahulo, sabbasamaṇaḡuṇa-samupeto. Imehi tiṃsagaṇavarehi samupeto hoti.

Nanu mahārāja thero sārīputto dasasahassiyā lokadhātuyā⁴ aggapuriso ṭhapetvā dasabalaṃ lokācariyaṃ. So 'pi aparimitāsāṅkheyyakappe samācīta-kusalamūlo brāhmaṇakulakulīno manāpikaṃ kāmaratiṃ anekasata-sāṅkhyamaṃ dhanavarañca ohāya jinasāsane pabbajitvā imehi terasahi dhutaḡuṇehi kāyavacīcittaṃ damayitvā ajjetarahi anantaḡuṇa-samannāgato gotamassa bhagavato sāsanaṃ bhāgavare dhammacakkam-anuppavattako jāto. Bhāsītampeṭamaṃ mahārāja bhagavatā devātidevena ekaṅguttaranikāyavaralañchake:

‘Nāhamaṃ bhikkhave aññaṃ ekapuggalampi samanupassāmi yo tathāgatena anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ sammadeva anuppavatteti yathayidaṃ sārīputto, sārīputto bhikkhave tathāgatena anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ sammadeva anuppavatteti’”ti.

“Sādhu bhante nāgasena. Yamaṃ kiñci navaṅgaṃ buddhavacanaṃ, yā ca lokuttarā kiriyā, yā ca loke adhigamavipulavarasampattiyo, sabbantaṃ terasasu dhutaḡuṇesu samodhānopagatan”ti.

**Dhutaṅgapañho dutiyo.
Anumānapañhā samattā.**

--ooOoo--

¹ appathokavajjēpi - Ma, PTS.

² jhānajjhāsītatappavaraṃvihārī - PTS, Sīmu.

³ vimuttijjhositattho - Ma; vimuttijjhāsītatto - PTS, Sīmu.

⁴ dasasahasilokadhātuyā - Ma; dasasahassimhi lokadhātuyā - PTS.

Là có tâm từ triu mến, mềm mỏng, dịu dàng; là có phiền não được tiêu diệt, được phá hủy, được tiêu hoại; là có sự ngã mạn và sự kiêu ngạo được phá hủy, được diệt trừ; là có đức tin không dao động, vững chắc, được củng cố, không có phân vân; là nhận được sự chứng đạt trọn vẹn, được thỏa mãn, được mừng rỡ, đáng ham thích, tịch tịnh, an lạc; là được thấm nhuần bởi hương thơm cao quý, ưu tú, vô song, tinh khiết của giới; là đối tượng yêu quý, ưa thích của chư Thiên và nhân loại; được các bậc Lưu Tận, các Thánh nhân, và các nhân vật cao quý mong mỏi; được đánh lễ, cúng dường đối với chư Thiên và nhân loại; được tán dương, ca ngợi, khen ngợi, ca tụng của những con người khôn ngoan, thông minh, sáng suốt; không bị lấm lem bởi thế gian ở đời này hay ở đời khác; có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi về chút ít tội lỗi ở thế gian; có sự hoàn thành mục đích cao quý về Đạo và Quả của những người có sự mong muốn các thành tựu lớn lao và cao quý; có phân về vật dụng lớn lao, hảo hạng đã được (thí chủ) thỉnh cầu; có sự nằm nghỉ ở nơi không nhà; có sự an trú quý cao ở trạng thái gắn bó với thiền; có nền móng của mạng lưới phiền não đã được tháo gỡ; sự che lấp về cảnh giới tái sanh đã được phá vỡ, đập bể, co rút lại, chặt đứt; có pháp bền vững; chỗ ngụ được phù hợp; có sự thọ hưởng không bị chê trách; được thoát khỏi cảnh giới tái sanh; đã vượt lên trên tất cả hoài nghi; đã gắn bó vào sự giải thoát; đã nhìn thấy Giáo Pháp; đã đi đến chốn nương nhờ vững chắc, không bị lay động, đối với sự kinh sợ; có khuynh hướng ngủ ngầm đã được bừng gốc; đã đạt đến sự cạn kiệt tất cả lậu hoặc; có nhiều sự chứng đạt và an trú về sự tịch tịnh và sự an lạc; có đầy đủ tất cả đức tính của vị Sa-môn. Vị ấy được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý này.

Tâu đại vương, chẳng phải vị trưởng lão Sāriputta là con người cao cả ở mười ngàn thế giới, trừ ra đấng Thập Lực, bậc thầy của thế gian? Ngay cả vị ấy, trong vô lượng vô số kiếp sống, có thiện căn đã được tích lũy, có dòng dõi gia tộc Bà-la-môn, sau khi từ bỏ sự hứng thú về dục lạc làm thích ý và tài sản quý giá nhiều trăm con số đếm, sau khi xuất gia trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng, sau khi đã rèn luyện thân, khẩu, ý với mười ba hạnh từ khước này, giờ đây hôm nay được hội đủ các đức hạnh vô biên, đã được sanh làm người tiếp tục chuyển vận Bánh Xe Pháp của đức Thế Tôn Gotama. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến ở đoạn Dấu Ấn Cao Quý, pháp Một Chi thuộc Bộ Tăng Chi rằng:

‘Này các tỳ khuru, ta không nhìn thấy một cá nhân nào khác là người tiếp tục chuyển vận một cách đúng đắn Bánh xe Pháp vô thượng đã được chuyển vận bởi đức Như Lai như là Sāriputta. Này các tỳ khuru, Sāriputta tiếp tục chuyển vận một cách đúng đắn Bánh xe Pháp vô thượng đã được chuyển vận bởi đức Như Lai.’”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Bất cứ lời dạy nào của đức Phật gồm chín thể loại, các hành động nào vượt trên thế gian, và các sự chứng đạt vĩ đại cao quý nào của các sự chứng đắc ở thế gian, mọi điều ấy đều đi đến sự hội tụ ở mười ba hạnh từ khước.”

**Câu hỏi về pháp từ khước là thứ nhì.
Phẩm Suy Luận được đầy đủ.**

--ooOoo--